

Việt Nam hiện còn là một nước nông nghiệp, thu nhập của nông dân ảnh hưởng lớn đến phần vinh kinh tế trong nước. Năm nào nông dân được mùa và “được giá cao” thì kinh tế phần vinh vì nông dân có nhiều tiền mua hàng công nghiệp trong nước. Trong nền kinh tế thị trường, nếu “giá nông sản cao - hàng bán chạy”, thì nông dân sẽ hết sức tăng gia sản xuất và việc tăng gia GDP nông nghiệp không khó. Cái khó là sản xuất nhiều dẫn đến giá giảm, khi giá giảm, nông dân bị lỗ sẽ không tăng gia sản xuất nữa. Vì vậy những góp ý của chúng tôi ưu tiên chú trọng vào việc tìm cách giải quyết “dầu ra” cho nông dân, thông qua việc tăng gia xuất khẩu, mở rộng thị trường nội địa, nâng cao giá thu mua một số nông sản chiến lược như bông vải, đậu nành, bằng một số biện pháp vì mô về tỷ giá, thuế nhập khẩu, Quỹ Bình Giá thích hợp.

1. THỊ TRƯỜNG XUẤT KHẨU

1. Nền đa dạng hóa cây con để tránh nạn bị nước ngoài ép giá

-Gạo: Giá gạo xuất khẩu vụ Đông Xuân 1997 sụt, chỉ đạt khoảng 230-240 USD tấn, thấp hơn so với Thái Lan khoảng 30-40 USD tấn nên tuy năm 1997, Việt Nam đứng đầu các nước trên thế giới về xuất khẩu gạo, nhưng hiệu quả của việc xuất khẩu gạo thấp. Lý do là Việt Nam muốn bán gấp lúa ĐBSCL nên giá xuất khẩu đã sụt. Con số sản lượng 6,5 triệu tấn lúa vụ đông xuân ở ĐBSCL quá cao, nếu giảm còn 5 đến 5,5 triệu tấn thì không lo lúa bị tổn động và bị nước ngoài ép giá. Do vậy, vụ đông xuân 1988, nên giảm diện tích vụ đông xuân khoảng 200.000 đến 250.000 ha lúa đông xuân, thay vào lúa đông xuân nên khuyến khích

CẦN CÓ CHÍNH SÁCH CÔNG BẰNG CHO NÔNG DÂN

TS. LÊ KHOA

nông dân trồng bắp lai, bông vải, đậu nành, đậu phộng, những sản phẩm này có thể cho giá trị xuất khẩu bằng hay cao hơn so với việc xuất khẩu gạo.

Trong các biện pháp ổn định giá lúa cho vụ đông xuân ĐBSCL 1998, biện pháp giới hạn sản lượng là có hiệu quả cao hơn cả, nó vừa làm tăng giá gạo trong nước, vừa tăng giá gạo xuất khẩu. Cùng với biện pháp này, nên xây tại Cần Thơ 1 hệ silo có thể chứa từ 1,5 đến 2,5 triệu tấn lúa, nâng cấp cảng Cần Thơ, để rải đều số xuất khẩu trong năm, như vậy sẽ đỡ bị nước ngoài ép giá hơn.

- Nền trồng thêm cao su hay cọ dầu? Cao su cũng xuống giá năm 1997 và có đến hàng chục ngàn tấn cao su bị tổn động ở biên giới Việt Trung. Việt Nam có chương trình trồng đến 700.000 ha cao su: nhưng cao su trồng đến 7 năm mới cạo mủ, giá lại bấp

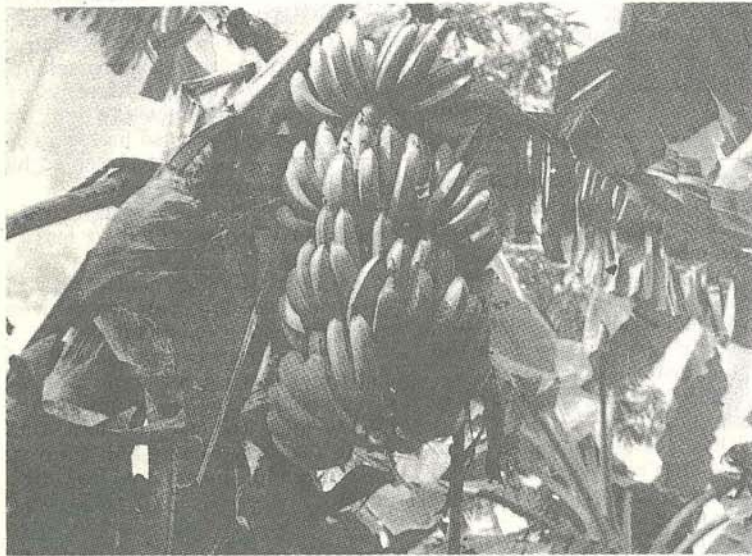
bênh, vậy có nên xét lại chương trình trồng cao su không? Ở Malaysia, có chính sách không trồng cao su thêm và trồng cọ dầu vì cọ dầu trồng chỉ 5 năm đã có thu hoạch và cho thu nhập cao hơn cao su nhiều. Chúng tôi kiến nghị nên có chính sách trồng 200.000 ha cọ dầu và phải có nhà máy biến chế cọ dầu thành dầu thì việc trồng cọ dầu mới có lãi. Trước đây, Việt Nam cũng có trồng cọ dầu, nhưng không làm nhà máy chế biến cọ dầu, nên đã thất bại.

-Cà phê: Vụ cà phê Việt Nam kéo dài từ tháng 10 đến tháng 2. Cũng như gạo, năm 1997, do Việt Nam gặp bán cà phê nên cà phê Việt Nam năm 1996 bị rớt giá chỉ còn trên 1000 USD tấn, sau khi Việt Nam bán hết cà phê, giá lên trên 1500 USD tấn thì Việt Nam không còn cà phê bán nữa.

Việt Nam hiện nay với khoảng 350.000 tấn cà phê dự trữ xuất khẩu trong năm 1997, đã biến thành một nước có số cung khá lớn về cà phê. Nếu tất cả số 350.000 tấn này được các công ty cà phê Việt Nam tranh nhau chào hàng với giá rẻ, thì sự rớt giá sẽ là điều không thể tránh khỏi được. Vì vậy, nên giới hạn số nhà xuất khẩu Việt Nam và Bộ Thương mại nên có khuyến cáo không nên xuất khẩu với giá thấp hơn giá trên thị trường thế giới. Nên có chính sách tồn kho và tín dụng tài trợ tồn kho để rải đều lượng cà phê xuất khẩu Việt Nam để giữ giá, thay vì ồ ạt xuất khẩu, chào hàng với giá thấp ngay sau khi thu hoạch, như vậy rất dễ bị rớt giá.

- Cá bè ba sa An Giang: Bị rớt giá nặng trong năm 1997 do dầu ra không theo kịp sự tăng gia sản xuất cá ba sa. Cá ba sa là một đặc sản của An Giang, trên thế giới mặt hàng này không được sản xuất nhiều, thị trường tiêu thụ hạn chế. Ở Mỹ, giống cá nheo (catfish), được nuôi trong môi trường nước ngọt, hình dáng tương tự như cá ba sa của An Giang được nuôi và xuất khẩu, thì năm 1995 số xuất khẩu sang Đức chỉ là 500 tấn trong 6 tháng cuối năm 1995, năm 1997 ước chỉ 1000 tấn, trong khi ở An Giang 1 bè cá lớn cũng có sản lượng trên 200 tấn! Khủng hoảng ngành nuôi cá bè ở An Giang xuất hiện do sản xuất vượt số cầu, công suất các bè cá vượt trên công suất nhà máy biến chế và việc thiếu năng động trong khâu kế hoạch hóa: công suất các nhà máy chế biến phải cao hơn công suất các bè cá, lịch trình bán cá phải rải đều trong năm theo yêu cầu của khả năng chế biến và xuất khẩu của các nhà máy thu mua.

Để có lối thoát cho ngành nuôi cá bè, phải thăm dò thị trường nước ngoài trước khi sản xuất, đặc biệt cũng nên chú ý đến thị trường nội địa:



nên tổ chức bán cá cho TP Hồ Chí Minh và Hà Nội. Đồng thời thay vì tập trung nuôi cá ba sa, nên nuôi một số cá khác như cá lóc bông, cá bống tượng được giá trên thị trường nội địa và dễ tiêu thụ hơn cá ba sa, có thể bán nhiều trên thị trường nội địa. Nếu thị trường nước ngoài được mở rộng thêm, với chương trình quảng cáo, chào hàng tốt hơn (cá catfish của Mỹ được chở bằng máy bay qua Đức và bán đến giá 15 USD / kg), các bè cá An Giang chuyển sang phục vụ thị trường nội địa với sản phẩm chính là cá lóc bông, cá bống tượng thì số sản lượng vài chục ngàn tấn cá của An Giang chưa phải là nhiều so với nhu cầu. Ngoài ra, thay vì tập trung nuôi cá ba sa, An Giang nên nuôi cá catfish xuất khẩu với giá thấp hơn 15 USD/kg, An Giang có thể cạnh tranh và đánh bại các nhà xuất khẩu cá nheo của Mỹ.

2. Phát triển mạnh những nông thủy sản có triển vọng xuất khẩu mạnh và thu ngoại tệ nhiều

- Phục hồi ngành nuôi tôm sú ở DBSCL: Hiện nay, đã khắc phục được nạn dịch tôm qua kỹ thuật kiểm soát chặt chẽ chất lượng con tôm giống, ít hay không thay nước, dùng máy sục khí. Tất cả các kỹ thuật trên đòi hỏi đầu tư vốn lớn và đồng bộ, từ khâu sản xuất con giống, đến việc bố trí lại hệ thống ao, phải có đường dây điện, máy sục khí, thức ăn tốt. Tuy nhiên, có điều rất đáng lưu ý là chỉ cần đầu tư bằng đồng bạc Việt Nam là chính (ở TP Hồ Chí Minh đã sản xuất được máy sục khí Jet Streamer theo mẫu Nhật giá chỉ bằng 1/3 so với máy nhập, các việc khác như lập trại tôm giống, đào ao v.v... thì Việt Nam đều có thể tự làm) và đầu ra là USD. Nếu xuất khẩu được 100.000 tấn tôm sú với giá tối thiểu 5 USD / kg, sẽ thu được 500 triệu USD, đó là một số tiền không nhỏ. Đầu tư cho để phục hồi ngành nuôi tôm thực hiện chủ yếu bằng tiền Việt Nam, nhưng doanh thu chủ yếu lại là ngoại tệ nên có hiệu quả cao về kinh tế. Tương tự như ngành đánh cá viễn duyên đã phát triển trong năm 1997 nhờ Bộ Thủy sản và Ngân hàng Nhà nước đã có thỏa thuận dùng 400 tỷ đồng để đóng tàu bán cho nông dân, chúng tôi kiến nghị Bộ Thủy sản soạn thảo kế hoạch phục hồi ngành nuôi tôm sú và thỏa thuận với Ngân hàng Nhà nước một số tín dụng khoảng 500 tỷ đồng để phục hồi ngành nuôi tôm sú ở DBSCL.

- Tăng cường vốn từ 400 tỷ đồng cấp cho ngành đánh cá xa bờ năm 1997 lên 800 đến 1000 tỷ đồng trong năm 1998. Trong khi các tài nguyên gần bờ bị cạn kiệt, ngành nuôi tôm sú bị dịch tôm, nhưng ngành thủy sản vẫn tiếp tục tăng xuất khẩu trong

năm 1997 chính là nhờ hiệu quả cao của chương trình đóng tàu cho ngư dân vay để mua tàu đánh cá xa bờ. Do hiệu quả kinh tế cao của chương trình này, năm 1988 nên cấp cho chương trình này từ 800 đến 1000 tỷ đồng vốn cho vay đóng tàu mới bán góp cho các doanh nghiệp đánh cá.

- Tổ chức trồng chuối và một số cây ăn trái tại miền Trung và miền Bắc Việt Nam nhằm vào việc xuất khẩu qua Trung Quốc và Hàn Quốc, Nhật, Đài Loan, Hồng Kông:

Lý do là miền Bắc Việt Nam và miền Trung là những vùng nhiệt đới gần các nước ôn đới trên đây nhất, do đó có lợi thế về phí chuyển chở nhất. Nếu xuất khẩu được 1- 2 triệu tấn chuối với giá 1 USD / kg sẽ cho 1- 2 tỷ USD, điều này có thể thực hiện được ở Trung Quốc, Đài Loan, Hàn Quốc, Nhật và Liên Bang Nga đều có nhu cầu nhập chuối.

Tỉnh Bình Định đã rất thành công trong việc sản xuất cây chuối già lùn, hàng năm bán khoảng 25.000 cây chuối cây mô cho nông dân, các nông dân trồng chuối già lùn thu hoạch nhiều triệu đồng trên 1 công đất do giá chuối tại thị trường miền Trung, miền Bắc cao, giá xuất khẩu qua Trung Quốc cũng cao. Cây chuối già lùn ở miền Trung và miền Bắc có những ưu thế sau: a/ có thể nhân giống rất nhanh bằng phương pháp cấy mô; b/ chịu hạn và phủ nhanh các đồi trọc; c/ chỉ trong vòng 9 tháng đã thu hoạch những buồng đầu tiên; d/ thu nhập rất cao. Ông Trương Quang Điều, ở An Thạch Hoài An nói: "Ban đầu, tôi trồng thử 300 cây chuối cây mô, 9 tháng sau, thu hoạch đủ 300 buồng chuối không thiếu buồng nào, bán 6 triệu đồng... Ngoài ra, còn được 1000 cây con do những cây mẹ đẻ ra....Dần dần 8 sào đất của tôi đều trồng chuối cây mô, hiện nay tôi thu được 50.000 đồng / ngày, lãi ròng hàng năm 13-15 triệu đồng". Ông Nguyễn Nhánh, (Hoài Tân Hoài Nhân) quê xứ dừa cho biết: "Trồng dừa phải mất 5-6 năm mới thu hoạch, còn trồng chuối chỉ 9 tháng. Tôi đã trồng 1000 gốc chuối trên 10 ha có xen canh, được khoảng 25-28 triệu đồng một vụ." Ông Nguyễn Văn Trảng, Chủ nhiệm hợp tác xã An Nghĩa III Hoài An nói: "Tôi trồng thử 200 cây, thu được 2 triệu đồng lãi ròng...." Ông Nguyễn Hữu Lý (Cái Lâm Phú Cát nói: "Ruộng của tôi, trồng mì, được 300000 đồng, trồng mía 400000 đồng, trồng chuối cây mô 3 triệu đồng". Năm 1992, ở xã Cát Lâm có 50% hộ nghèo, thì nay 60% có xe gắn máy, 70% tivi màu 70% có thu nhập 10 triệu đồng. Được vậy là nhờ cây chuối". Thị trường chuối tại miền Bắc đang thiếu chuối ăn và xuất khẩu sang Trung Quốc, Đài Loan,

Nhật, Hồng Kông với giá cao.

Từ các nhận xét trên đây có thể nâng cấp chương trình cấp tỉnh của tỉnh Bình Định thành chương trình quốc gia trồng cây chuối già lùn ở miền Trung, và miền Bắc Việt Nam, đặc biệt là nơi các tỉnh có đường giao thông vận tải thuận lợi cho xuất khẩu sang các nước ngoài.

Nên chuyển một phần vốn của chương trình 327 cho chương trình phát triển trồng cây chuối già lùn. Các chương trình 327 có khuyết điểm là thời gian thu vốn quá lâu. Với cây chuối già lùn, chỉ sau 1 năm trồng chuối, các nông dân trồng chuối đã xóa đói giảm nghèo và tự túc được. Do đó hiệu quả kinh tế của chương trình 327 trên chuối già lùn rất cao, hàng triệu ha đồi trọc có thể phủ nhanh bởi cây chuối già lùn. Cần nên lưu ý là cây chuối già lùn có thể trồng trên các đất dốc, có khả năng chống hạn cao, nông dân sau khi trồng chuối sẽ ở lại tại chỗ để săn sóc và thu hoạch nên không có vấn đề rừng trồng xong lại bị các kẻ xấu chặt: việc trồng lại rừng rất tốn kém nhưng không theo kịp tốc độ rừng bị phá.

Cây chuối già lùn là cây lý tưởng để phủ xanh nhanh các đồi trọc ở miền Bắc Việt Nam: với các ưu điểm ngắn hạn (9 tháng), có thể trồng trên các đồi trọc, vừa lại là cây phủ, cây lương thực, thực phẩm, cây xuất khẩu, cây cung cấp thức ăn cho gia súc, cây chuối không những xóa đói giảm nghèo mà còn có khả năng làm giàu cho người trồng, cây định canh định cư, so với một số cây đa niên khác, khi trồng rồi bỏ đi nơi khác không ở lại tại chỗ giữ rừng, nên rừng vừa tái sinh lại bị đốn nữa. Nhà nước đầu có thể cấp vốn mới trồng rừng lại lần thứ hai, thứ ba.... và thêm nhiều lần khác nữa?

Tương tự như ngành đánh cá viễn duyên, Bộ Nông nghiệp nên yêu cầu ngân hàng cấp cho 1 tín dụng khoảng 300 tỷ đồng để phát triển trồng cây chuối già lùn.

II THỊ TRƯỜNG NỘI ĐỊA

Nên tự sản xuất lấy một số nông sản đang phải nhập, đặc biệt là:

1. Bông vải và sữa bò.

- Sản lượng bông vải và sữa bò nội chỉ khoảng 10-15% so với nhu cầu. Bằng cách lập 1 Quỹ trợ giá, tăng thuế đánh trên bông và sữa nhập rồi dùng tiền thu được tăng giá mua bông và sữa nội, có thể tạo siêu lợi nhuận cho nông dân trồng bông vải và nuôi bò sữa. Nếu giá lúa, giá bông tăng 20%, trong vòng vài năm sẽ không còn nhập khẩu bông vải và bột sữa nữa. Nên hạn chế nhập khẩu sữa bột để cho trên thị trường có tình hình thiếu sữa và yêu cầu các doanh nghiệp sản xuất sữa dùng sữa đậu nành thay phần bột sữa còn thiếu. Nếu chính

sách này thì hành, có thể giảm lượng bột sữa nhập khẩu từ 90% còn 50%, 20% nhu cầu bột sữa sẽ do các nhà chăn nuôi nội cung cấp còn 20% được thay bằng sữa đậu nành. Thay sữa nhập bằng sữa đậu nành có nhiều lợi: a/ tiết kiệm ngoại tệ; b/ tạo thị trường cho người trồng đậu nành; c/ sữa đậu nành bổ dưỡng nhiều hơn so với sữa bò, có tác dụng tốt đối với bệnh tim mạch và ung thư. Ngoài ra, đậu nành có định được nitơ và giảm số urê phải nhập khẩu.

2. Cần có kế hoạch sản xuất hạt giống bông vải lại: Hiện nước ta đã sản xuất được giống bắp lai, vậy cần sớm có kế hoạch sản xuất và tự cung cấp hạt bông lai. Nền sản xuất hạt bông lai trong mùa khô 1998 ở một số ruộng có thể dẫn thủy tại Khánh Hòa, như vậy vụ bông 1998-99, bắt đầu vào cuối mùa mưa năm 1998 sẽ không cần nhập giống bông lai của nước ngoài.

3. Mô hình cá+ lúa: Mấy năm gần đây, ở Nông trường Sông Hậu có áp dụng mô hình cá+ lúa rất thành công. Ở Tiền Giang nông dân trồng lúa - nuôi cá không những thu nhập tăng khoảng 4 triệu đồng ha, mà lại bớt dùng thuốc sâu và phân hóa học, như vậy môi trường được bảo vệ hơn. Tuy nhiên, tốc độ phát triển của mô hình chậm vì phải bỏ nhiều công đào ao và mương khoảng 15% diện tích. Do đó, kiến nghị ngân hàng cấp tín dụng ưu đãi, lãi suất nhẹ và cho vay 2 năm đối với những nông dân đơn canh lúa chuyển qua mô hình lúa - cá.

4. Nên có một số biện pháp vì mô với các loại cây đậu nành, đậu đen và đậu phộng như: a/ nông dân trồng các loại cây này được vay tiền với lãi suất ưu tiên; b/ giảm thuế nông nghiệp 50% đối với các loại cây này. Lý do là những cây này góp phần có khả năng cố định được khoảng 200 kg phân N / ha vụ và góp phần giảm nhu cầu nhập khẩu phân urê, giải quyết được nạn đói protein tại Việt Nam hiện nay

III CÔNG NGHIỆP HOÁ KHẨU CHẾ BIẾN NÔNG SẢN VIỆT NAM

Năm 1996-97 cho thấy hiệu quả kinh tế cao của kế hoạch trang bị khoảng trên 13 nhà máy làm đường mía + việc hạn chế nhập khẩu đường + duy trì giá đường nội địa cao hơn giá đường trên thị trường thế giới. Chỉ trong vòng không đến 2 năm, trên 13 nhà máy đường đã hoàn thành hay sắp hoàn thành, giải quyết tốt vấn đề "đầu ra với giá cao" cho nông dân trồng mía. Trái lại, mặc dù có các giống mì mới năng suất cao, giá mì đã rớt ở Tây Ninh vì thiếu nhà máy chế biến. Điều đáng tiếc là trong khi tỉnh Khánh Hòa đã tự trang bị lấy máy đường và đã thành công tốt đẹp, Việt Nam lại không tự chế lấy

nhà máy làm đường mà lại nhập khẩu thiết bị cũ của Trung Quốc.

Qua thành công cũng như khuyết điểm của chương trình xây các nhà máy làm đường, và qua khả năng cao hiện nay của các nhà máy cơ khí, sắt thép, xi măng trong nước, chúng tôi kiến nghị:

- Nên có chương trình trang bị hàng loạt nhà máy mới, giao cho các nhà máy cơ khí Việt Nam làm nhà máy (nếu không làm được mới phải mua thiết bị từ nước ngoài với điều kiện các thiết bị ấy phải hiện đại, không được cơi giá lên cao) trong các địa hạt như sau:

a/ Khoai mì: trang bị hàng chục nhà máy vỏ viên khoai mì sấy khô, làm tapioca, làm bột ngọt ở các vùng làm khoai mì,

b/ Nhà máy sản xuất bột giấy từ bã mía kể bên các nhà máy đường. Ít ra phải có khoảng 20 nhà máy bột giấy. Các nhà máy bột giấy sẽ làm tăng hiệu quả kinh tế cho các chương trình trồng mía đường vì giá bột giấy cao và việc đốt bã mía rất uống.

c/ Trang bị thêm nhiều nhà máy làm các thức ăn sản xuất khẩu hay tiêu thụ trên thị trường nội địa như cá mòi, các loại cá biển khác: nấu chín vô hộp hay ướp lạnh, làm bột cá cho người ăn, đông lạnh thịt xuất khẩu, làm thức ăn sản xuất khẩu ra nước ngoài: thức ăn cho gia súc, (đặc biệt thị trường thức ăn cho mèo chó rất phát triển ở nước ngoài chưa được ta lưu ý), thức ăn làm sẵn đông lạnh cho người như chả giò v.v....

d/ Trang bị, mở rộng thêm hàng chục nhà máy làm sẫm lốp xe ô tô, xe gắn máy thay vì xuất khẩu cao su dưới dạng thô.

e/ Lắp thêm nhà máy sản xuất 300-500.000 tấn urê từ than đá ở miền Bắc và 300-500.000 tấn urê từ dầu khí ở miền Nam.

IV CÓ MỘT CHÍNH SÁCH NGOẠI GIAO MẠNH HƠN NỬA YẾM TRỢ VIỆC XUẤT KHẨU NÔNG SẢN VIỆT NAM

Với Nhật Bản, thương lượng việc Nhật nhập khẩu một số trái cây, hàng may mặc, gạo, thịt, nông sản Việt Nam để tạo ngoại tệ thanh toán sớm các tín dụng ODA mà Nhật cấp cho Việt Nam, sau khi thanh toán sớm sẽ vay các tín dụng khác. Điều này vừa mở rộng việc xuất khẩu hàng nông sản Việt Nam vừa tăng nguồn vốn ODA

Với Hàn Quốc, Đài Loan, Singapore cũng có những yêu cầu tương tự.

Đặc biệt với Liên Bang Nga và Ukraina nên có thương lượng tăng kim ngạch xuất nhập khẩu giữa đôi bên lên đến 1000 -2000- 3000 tỷ USD. Phía Việt Nam sẽ bán gạo, các loại trái cây, hàng may mặc, giấy dép, cà phê, cá ba sa đông lạnh. Phía Liên Bang Nga và Ukraina cung cấp

thiết bị cho hàng loạt nhà máy thủy điện trên sông Đông Nai, Vũ Gia, Sesan, Srêpok, nhà máy Sơn La, nhà máy biến chế quặng bô xít thành nhôm v.v....

Đối với các nước Ả Rập có nhiều vốn, thương lượng vay tiền và trả bằng gạo, trái cây và hàng may mặc, hàng thủy sản như cá ba sa, cá hộp, thức ăn làm sẵn cho người, gia súc, chó mèo v.v.... Tín dụng cấp sẽ được thực hiện "tay ba": các nước Ả Rập cấp tín dụng trả tiền cho một nước thứ 3 như Hàn Quốc hay Nhật và nước này có nhiệm vụ xây nhà máy cho Việt Nam, và Việt Nam tiếp nhận nhà máy và trả góp tiền vay cho các nước Ả Rập.

Kinh nghiệm cho thấy nếu mở rộng được đầu ra, thì người nông dân Việt Nam tăng gia sản xuất không khó.

Kết luận: Ủng hộ người nông dân qua một chính sách tiền tệ ngân hàng thiết thực:

- Xóa sự chênh lệch vô lý lãi suất cho vay của Ngân hàng Nông nghiệp cho nông dân lại cao hơn lãi suất cho vay trong ngành thương mại, công nghiệp hay dịch vụ,

- Xóa hay ngăn chặn bớt việc nhập khẩu bông vải hay sữa hộp bằng một chính sách đánh thuế cao lên bông và sữa nhập và dùng tiền này trợ giá cho nông dân nuôi bò sữa hoặc trồng cây bông vải.

- Lãi suất ưu tiên cho một số ngành mũi nhọn trong nông nghiệp thay vì chính sách lãi suất cho vay đồng đều. Các ngành ưu tiên là trồng bông vải, nuôi bò sữa, trồng các cây họ đậu, công nghiệp chế biến nông sản như nhà máy giấy, vỏ xe ô tô, xe gắn máy,

- Nâng cao tỷ giá là điều tối cần thiết: tỷ giá từ đỉnh cao 13.500 đồng USD năm 1991 đến nay sau nhiều lần "nâng giá" vẫn chỉ khoảng 11.200 đồng ngày 28.10.1998. Qua kinh nghiệm thời kỳ tỷ giá tăng nhanh các năm 1985-1992, xuất khẩu tăng rất nhanh và nông sản bán rất chạy. Như vậy, cần phải có một chính sách tỷ giá thiết thực, để cho các nông dân thu được nhiều tiền Việt Nam khi nông sản được xuất khẩu thì nông nghiệp Việt Nam mới phát triển được.

- Tương tự như ngành đánh cá viễn duyên, hoặc Bộ nông nghiệp nên yêu cầu ngân hàng cấp cho 1 tín dụng khoảng 300 tỷ đồng để phát triển trồng cây chuối già lùn, các Bộ nên thỏa thuận với ngân hàng các kế hoạch và số vốn thực hiện kế hoạch sớm trong năm 1987 như dự án làm sẫm lốp xe ô tô, xe gắn máy, biến chế khoai mì, thoát thủy cho ĐBSCL v.v.... nêu trên đây, và nên có vốn thực hiện sớm trong năm 1998